

Số: 227/BC-STP

Đắk Nông, ngày 06 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả rà soát một số quy định liên quan đến việc đăng ký danh mục bổ sung xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 3

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 4743/UBND-KTTH ngày 24/8/2021 về việc đăng ký nội dung trình kỳ họp Chuyên đề và triển khai nội dung kỳ họp thứ 3 HĐND tỉnh năm 2021;

Trên cơ sở nội dung đăng ký danh mục xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh năm 2021 của các Sở, ban, ngành (UBND các huyện, thành phố không đăng ký); Sở Tư pháp báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. Các Nghị quyết đã được Thường trực HĐND tỉnh đồng ý

Căn cứ Tờ trình số 1038/TTr-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh về việc đăng ký danh mục dự kiến các Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 02 và kỳ họp thứ 03 HĐND tỉnh khóa IV và Thông báo số 07/TB-HĐND ngày 16/3/2021 của HĐND tỉnh Kết luận Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến Danh mục các nghị quyết trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 2, thứ 3 khóa IV thì đã có **12** Nghị quyết (trong đó có **07** Nghị quyết quy phạm pháp luật và **05** Nghị quyết cá biệt) được thống nhất trình tại kỳ họp thứ 3, cụ thể:

- Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND*);

- Nghị quyết ban hành Quy định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông (*thay thế Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND*);

- Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022;

- Nghị quyết về việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025;

- Nghị quyết quy định thưởng vượt thu dự toán thu ngân sách nhà nước từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025;
- Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2022;
- Nghị quyết thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2022;
- Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách tỉnh năm 2022;
- Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;
- Nghị quyết thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022.

2. Các Nghị quyết do các Sở, ngành đăng ký mới

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4743/UBND-KTTH, các Sở ngành đã đề xuất đăng ký mới **10** Nghị quyết. Sở Tư pháp đã xác định và phân loại gồm **07** nghị quyết quy phạm pháp luật và **03** nghị quyết cá biệt (*tại Danh mục 01, 02 kèm theo*). Qua rà soát, Sở Tư pháp có một số ý kiến cụ thể như sau:

2.1. Đối với Nghị quyết quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Nội dung Nghị quyết do Sở Giáo dục và Đào tạo đăng ký gồm 02 nội dung:

- **Thứ nhất:** Quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh.

Nội dung này được quy định tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019:

“6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

...b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”.

Ngày 27/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (*có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2021*). Trong đó, tại khoản 1 Điều 9 quy định:

“Khung học phí năm học 2021 - 2022

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần khung học phí hoặc mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành năm học 2020 - 2021 đối với từng cấp học và từng khu vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương.

Khung học phí năm học 2022 – 2023

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Khung học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi

a) Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;

b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.”.

Do đó, Sở Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu kỹ các nội dung trên để xác định phạm vi, tên gọi, nội dung cho phù hợp. Theo ý kiến của Sở Tư pháp để kịp thời triển khai năm học mới 2021-2022 thì Sở Giáo dục và Đào tạo cần tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua vào **kỳ họp chuyên đề** (dự kiến tháng 10/2021).

- Thứ 2: Nội dung về dịch vụ tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông:

+ Theo quy định tại Điều 3 Nghị định 81/2021/NĐ-CP về Giải thích từ ngữ:

“Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo là số tiền người sử dụng dịch vụ phải trả cho từng dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, bao gồm: học phí (theo các cấp học và trình độ đào tạo) và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (**giá dịch vụ tuyển sinh**; giá dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục; ...”.

Như vậy, mức thu dịch vụ tuyển sinh là giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

+ Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 81/2021/NĐ-CP về Nguyên tắc xác định giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

“1. Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được xác định theo các quy định của pháp luật về giá và quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo nhưng tỷ lệ tăng mức giá dịch vụ không quá 15%/năm.”.

Như vậy, việc xác định giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá (*Thẩm quyền và trách nhiệm định giá thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Giá năm 2012*) và các quy định pháp luật khác có liên quan (chẳng hạn là điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 nêu trên).

Do đó, Sở Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu kỹ nội dung liên quan để tham mưu cho phù hợp (*xác định rõ “**dịch vụ tuyển sinh**” có phải là “**dịch vụ phục vụ, hỗ trợ** hoạt động giáo dục” theo điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 nêu trên không?*).

- Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP có quy định trách nhiệm của HĐND tỉnh gồm nhiều nội dung khác như:

+ Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương (khoản 3 Điều 4): Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND, tuy nhiên cần rà soát lại xem đã đầy đủ, chi tiết chưa?

+ UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu được chủ động thực hiện lộ trình tính đủ chi phí vào giá dịch vụ giáo dục, đào tạo tương xứng với chất lượng giáo dục, đào tạo; đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành (khoản 3 Điều 7).

+ HĐND cấp tỉnh phê duyệt và quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập theo từng năm học; kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện (điểm d khoản 4 Điều 8).

+ Ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao, căn cứ chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định khung học phí hoặc mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (gồm cả cơ sở

giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập) trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành bảo đảm mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành (khoản 4 Điều 9).

+ Trường hợp học trực tuyến (học online), UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quy định cụ thể mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành (khoản 5 Điều 9).

+ Phê duyệt mức thu học phí cụ thể của các loại hình giáo dục thường xuyên khác, phù hợp với từng loại hình đào tạo và điều kiện thực tế của từng địa bàn (khoản 6 Điều 9).

+ Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng (Điều 17).

+ Mức trần của giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp thực hiện đặt hàng ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao hoặc yêu cầu đặc biệt về chất lượng đào tạo do bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, nhu cầu đào tạo và tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo (Khoản 3 Điều 27).

+ Tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập tại địa phương (khoản 2 Điều 31).

Như vậy, theo các quy định nêu trên thì HĐND tỉnh được giao quy định, phê duyệt hoặc thông qua rất nhiều nội dung, do đó đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát kỹ và toàn diện các vấn đề, nội dung được giao. Trong đó lưu ý: Đối với những nội dung mang tính cấp thiết phải ban hành ngay để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại như: ***Khung học phí chung; học phí trong trường học học online; quyết định không thu học phí trong trường học dịch bệnh*** thì xem xét trình vào **kỳ họp chuyên đề** để thực hiện.

Còn những nội dung khác chưa cần thiết, chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như các nội dung liên quan đến xã hội hóa (vì thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh xã hội hóa chỉ mới thực hiện ở cấp mầm non, ...).

2.2. Đối với Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông và các kỳ thi khác trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn của ngành Giáo dục tỉnh Đắk Nông

Thông tư số 69/2021/TT-BTC giao trách nhiệm cho địa phương quy định 02 nội dung:

- UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương (theo quy định tại khoản 13 Điều 8).

- *Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này*, HĐND cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương (khoản 4 Điều 9).

Như vậy, đối với nội dung tại khoản 13 Điều 8 là văn bản trung ương giao địa phương quy định chi tiết để thực hiện. Do đó, Sở Giáo dục và Đào tạo có thể tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua vào kỳ họp cuối năm.

Còn đối với nội dung tại khoản 4 Điều 9 nội dung quy định các mức chi ngoài quy định của Trung ương và sử dụng nguồn ngân sách địa phương. Theo đó, đối với nội dung này, cần nghiên cứu tham mưu theo đúng quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước 2015 và Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước. Do đó, nội dung này cần thực hiện theo quy trình xây dựng văn bản đặc thù, vì vậy nội dung này **tạm thời chưa đăng ký** vào kỳ họp HĐND năm 2021.

2.3. Đối với Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh *Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng* và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho *Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh*

- Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi quy định “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh **Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng**; mức hỗ trợ căn cứ điều kiện thực tế của từng địa phương nhưng không thấp hơn 15% lương tối thiểu vùng.*”.

- Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở, lực lượng PCCC chuyên ngành quy định “*Căn cứ vào danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm trang bị cho lực lượng dân*

phòng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và yêu cầu thực tiễn công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên từng địa bàn cấp xã thuộc phạm vi quản lý, cơ quan Công an có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp **trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng** bảo đảm theo quy định và **xem xét, quyết định trang bị thêm** các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết khác.”.

Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 150/2020/TT-BCA quy định “*Kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng được thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 48 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 42 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.*”.

Do đó, đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là phù hợp và có cơ sở. Đối với nội dung về **hỗ trợ cho chức danh** Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng có thể tích hợp vào nội dung Nghị quyết ban hành Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông do Sở Nội vụ đang xây dựng dự kiến trình kỳ họp cuối năm 2021 để dễ theo dõi nội dung, thực hiện trên thực tế (theo hướng kiêm nhiệm những chức danh có nhiệm vụ tương ứng với nhau như lực lượng dân quân tự vệ với đội dân phòng...). Đối với nội dung về **định mức trang bị phương tiện** phòng cháy và chữa cháy cho Đội dân phòng có thể tích hợp với Nghị quyết dưới đây (2.4).

2.4. Đối với Nghị quyết về việc thông qua Đề án hỗ trợ kinh phí, trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2026

- Điểm a khoản 1 Điều 47 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định: “1. Nguồn tài chính cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy được sử dụng cho các nội dung sau đây:

a) Đầu tư cho hoạt động, cơ sở vật chất, trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy và các thiết bị của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;...”.

- Điểm a khoản 4 Điều 48 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định “4. Nội dung chi cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy của Ủy ban nhân dân các cấp bao gồm:

a) Hỗ trợ xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, mua sắm, trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, đổi mới, hiện đại hóa phương tiện phòng cháy và chữa cháy và cơ sở vật chất kỹ thuật cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đóng trên địa bàn;...”.

- Điểm d Mục II.7 Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy ban hành kèm theo Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Chính phủ quy định trách nhiệm bảo đảm ngân sách nhà nước cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy của UBND cấp tỉnh như sau “- **Hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, mua sắm, trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, hiện đại hóa phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy đóng trên địa bàn từ nguồn ngân sách địa phương (thực hiện từ năm 2020 và các năm tiếp theo)**”.

Ngày 12/6/2020 Bộ Tài chính cũng đã ban hành Công văn số 7077/BTC-VI hướng dẫn thực hiện hỗ trợ kinh phí cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy đóng trên địa bàn từ nguồn ngân sách địa phương, cụ thể “*Tại Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quy định: **Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương**, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chi hỗ trợ các đơn vị quốc phòng, an ninh đóng trên địa bàn **trong trường hợp cấp thiết để đảm bảo ổn định tình hình kinh tế xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội** của địa phương. Đối với các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trong năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về mức chi hỗ trợ các đơn vị quốc phòng, an ninh thực hiện nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ “**Xây dựng, cải tạo và sửa chữa trụ sở làm việc, đồn, trạm, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị phương tiện nghiệp vụ, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng Công an và Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy**” (tại điểm 2.3, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ).*”.

Căn cứ các quy định nêu trên thì nội dung đề xuất của Công an tỉnh là có cơ sở pháp lý. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì nghị quyết thông qua **đề án** không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, nội dung này là nghị quyết cá biệt. Tuy nhiên, nếu **đề án** dự kiến trình để HĐND tỉnh thông qua có nội dung chứa “quy phạm

pháp luật” thì phải ban hành bằng văn bản quy phạm pháp luật (Công an tỉnh cần thuyết minh, giải trình thêm về tên gọi, hình thức “đề án”, nội dung dự kiến theo đề án này). Ngoài ra, có thể nghiên cứu, tích hợp hai nghị quyết (2.3 và 2.4) thành một nghị quyết chung cho gọn về hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*văn bản quy phạm pháp luật*).

2.5. Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi, xét nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Đây là chính sách đặc thù của địa phương do Sở Nội vụ chủ động đề xuất xây dựng Nghị quyết (hiện chưa có văn bản chỉ đạo, đồng ý xây dựng nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh). Trong quá trình Sở Nội vụ triển khai xây dựng Nghị quyết này, Sở Tư pháp đã góp ý, hướng dẫn tại Công văn số 407/STP-VBPBPL ngày 15/4/2021. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì Nghị quyết này phải xây dựng qua 02 bước (đang làm bước 1) – sau khi được Sở Tư pháp thẩm định, Sở Nội vụ phải trình hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị quyết này để UBND tỉnh họp thành viên thông qua và trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét; nếu được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất (bằng văn bản) mới triển khai xây dựng dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh xem xét ban hành.

Ngoài ra, đề nghị xây dựng Nghị quyết này có liên quan trực tiếp đến Thông tư số 228/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công, viên chức (*hiện nay, Bộ Tài chính đang dự thảo Thông tư thay thế và lấy ý kiến các Bộ, Ngành, địa phương tại Công văn số 8148/BTC-CST ngày 23/7/2021*). Do đó, việc tham mưu xây dựng, ban hành Nghị quyết này cần phải theo dõi, nghiên cứu, cân nhắc kỹ lưỡng cho phù hợp với quy định của Trung ương cũng như tình hình thực tế tại địa phương. Sở Tư pháp đề xuất **tạm thời chưa đăng ký** Nghị quyết này.

2.6. Nghị quyết về việc thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Nghị quyết này Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đăng ký vào kỳ họp thứ 3, tuy nhiên Sở Tư pháp đã có ý kiến tại văn bản góp ý của Thành viên UBND tỉnh ngày 27/8/2021. Cụ thể:

Đề xuất này phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi 2017 và quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP:

“Điều 4. Lộ trình thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 1. Giai đoạn từ năm 2018 - 2020 a) Giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 trong thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 bằng mức giá tối đa đã thực hiện năm 2017. b) Bộ trưởng Bộ Tài chính

quy định và thông báo giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. 2. Giai đoạn từ năm 2021 trở đi a) Căn cứ vào phương pháp định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, chủ quản lý công trình thủy lợi hoặc tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi 2 xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. b) Căn cứ tình hình thực tế biến động của các yếu tố hình thành giá và khả năng ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương quy định và thông báo mức giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi cho thời kỳ ổn định ngân sách mới... ”.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng, tác động của đại dịch Covid-19, để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước, Bộ Chính trị đã có chủ trương (Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020) và Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 với quyết định: “Kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021”. Theo đó, ngày 23/7/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 80/NQ-CP về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 với quy định: “*giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 bằng mức giá tối đa đã thực hiện giai đoạn 2018 - 2020*”. Trên cơ sở đó, ngày 05/8/2021, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1477/QĐ-BTC về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 (nội dung và mức giá không thay đổi so với giai đoạn 2018-2020 đã được quy định tại Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính). Như vậy, tính đến hết năm 2021 thì chỉ còn khoảng 4 tháng để thực hiện. Theo quy định (nếu không có những biến động bất thường) thì thời kỳ ổn định ngân sách mới sẽ bắt đầu từ năm 2022 - khi đó, Trung ương cũng sẽ ban hành giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho thời kỳ ổn định ngân sách mới (quy trình xây dựng, ban hành văn bản về nội dung này theo quy định của Luật Thủy lợi 2017 và Nghị định số 96/2018/NĐ-CP cũng sẽ mất nhiều thời gian).

Do đó, để thuận lợi và kịp thời hơn trong việc xử lý vấn đề này có thể rà soát và nghiên cứu theo phương án tham mưu HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018-2020 đến khi HĐND tỉnh có Nghị quyết thay thế hoặc bãi bỏ (tương tự như việc kéo dài Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh đã được thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/NQHĐND) - mức giá theo Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND cũng bằng mức tối đa của Quyết định số 1050a/QĐ-BTC và Quyết định số 1477/QĐ-BTC của Bộ Tài chính. Qua rà soát, tham khảo thì nhiều địa phương đã thực hiện theo phương án này như các tỉnh Quảng Trị, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Kon Tum, tỉnh Yên Bái....

2.7. Nghị quyết về việc bãi bỏ Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua giá rừng bình quân của từng loại rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Sở Tư pháp thống nhất với đề nghị xây dựng Nghị quyết. Và đề nghị đăng ký vào Kỳ họp chuyên đề tháng 10/2021 của HĐND tỉnh để giảm tải cho kỳ họp cuối năm và xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn.

3. Các Nghị quyết do Sở Tư pháp đề xuất

Trong quá trình thực hiện việc cập nhật, triển khai văn bản Trung ương trong năm 2020 và 2021, Sở Tư pháp đã tổng hợp các nội dung phải thể chế hóa bằng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh tại địa phương; ngoài ra, thực hiện Kết luận của đồng chí Lê Trọng Yên - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 30 tháng 8 năm 2021, Sở Tư pháp đã bổ sung Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND Thông qua Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*cụ thể tại Danh mục 03*). Đề nghị các Sở, Ngành liên quan nghiên cứu kỹ văn bản có liên quan và tình hình thực tế của địa phương cho ý kiến cụ thể về sự cần thiết, thời gian tham mưu đăng ký xây dựng Nghị quyết,... để bảo đảm kịp thời triển khai quy định của Trung ương tại địa phương.

**Lưu ý: Ngoài ra, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu để thảo luận, thuyết minh, giải trình, thống nhất các nội dung theo Báo cáo này tại cuộc họp thành viên UBND tỉnh.*

4. Về dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung trình HĐND tỉnh khóa IV tại Kỳ họp thứ 03

Sở Tư pháp đã dự thảo (gửi kèm); tuy nhiên, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh chủ động theo dõi kết quả thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh về các nội dung trình tại Kỳ họp cuối năm 2021 để phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, Ban, ngành liên quan tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

Vậy, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(*Gửi kèm Báo cáo này các dự thảo, danh mục có liên quan*)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh (p/h);
- Các Sở, Ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- LĐ Sở;
- Lưu: VT, VBPL (Nh).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Hiếu